

"[L]egal scholars began to acknowledge and respond to the challenge mounted by the skeptics who viewed any reliance on international law as so idealistic as to not simply unrealistic, but dangerous."

Tóm tắt:

"Các học giả về luật bắt đầu nhận ra và trả lời sự khó khăn chứng minh tại các nhà phê bình rằng bất cứ sự dựa dẫm nào vào Công pháp Quốc tế đều không những mang tính chủ lý tưởng hay đơn giản là không thực tế, mà còn nguy hiểm."

Hathaway, Oona A. & Koh, Harold Hongju,

Foundations of International Law and Politics, Foundation Press, New York, New York, 2005

Tôi xin phân tích về cuộc tranh chấp Biển Đông dựa trên các lý thuyết về Quan hệ quốc tế và Công pháp quốc tế, và từ đó đưa ra đề nghị giải pháp.

Vấn đề Biển Đông mang tính chiến lược quốc gia vì nó là một trong những bước đầu trong công cuộc lên chiễm thành hệ thống của Trung Quốc. Đây là một vấn đề lớn về quốc phòng những công là các hội đồng công các quốc gia.

Nó có thể trở thành một XÚC TÁC để đưa đến đoàn kết và bình an.

Vì đây là mọi lo lắng chung cho tất cả người Việt trong nước và hải ngoại, nó có thể giúp cho chúng ta có lý do để gác lại những bất đồng chính kiến để cùng nhau chung tay kẻ thù chung.

Sự sát cánh này sẽ giúp cho hai bên hiểu nhau hơn, đôn gôn nhau hơn trong công tác nghiên cứu và bàn thảo kế hoạch, và từ đó sẽ dần dà hơn trong những công trình hợp tác phát triển kinh tế, giáo dục và hiện đại hóa đất nước.

Những người Việt, vốn dĩ Biên Đông, ngoài bản chất là hiểm họa quốc phòng, còn thể là chốt Nợ dân để chia rẽ và biến động trong nước.

Các phe đối nghịch sẽ lợi dụng cơ hội này để bôi nhọ chế độ là yếu hèn và “bán nước”.

Những luận điệu này sẽ trở nên trở trăn nếu chúng ta biết xử trí vốn dĩ Biên Đông một cách khéo léo và thích đáng.

Người Việt, chúng sẽ trở nên rất thuyết phục nếu như chính quyền cứ mãi im lìm và không có hành động rõ ràng.

Chính nhiên, khi những luận điệu đối nghịch trở nên thuyết phục đến cực điểm, chúng trở thành một vấn đề khó giải quyết cho phe đối nghịch để gây biến động trong nước.

Trung Quốc đương nhiên không bỏ qua cơ hội này để tiến sâu hơn và hành động mạnh mẽ hơn trong quá trình “gặm nhấm” hoặc lấn áp chúng ta.

Nếu vậy, cùng một lúc, chúng ta phải đương đầu với giặc trong lẫn giặc ngoài.

Chúng ta có gì nếu không?

Chắc chắn là không.

Đây không còn là sự lừa chôn khéo léo nữa mà là chiến lược.

Một là để lập, toàn vốn lãnh thổ, phát triển lâu dài, và từng bước lại rõ ràng.

Hai là bản thân tính và động hóa bởi Trung Quốc, một tất cả, và từng bước lại một một.

Phân tích cuộc tranh chấp Biên Đông thì không thể bỏ qua thái độ và hành động

Cả Trung Quốc, sự phân ứng của Hoa Kỳ, Nhật Bản và Nam Hàn, cũng như vai trò của Tổ chức ASEAN, tổ chức Thương mại Quốc tế (WTO) và Liên Hiệp Quốc (LHQ). Trong việc tranh chấp lãnh thổ, Việt Nam không phải là nước duy nhất chịu đựng sự ngang ngạnh của Trung Quốc.

Xung quanh biên giới Trung Quốc, hầu như tất cả lân bang đều phải chịu sự xâm lấn của Bắc Kinh, trong đó có Nga, Nhật Bản, Nam Hàn, Đài Loan, Ấn Độ, Mongolia, Kazakhstan, Kyrgyzstan, Tajikistan, Afghanistan, Pakistan.

Trong bối cảnh địa chính trị này, rõ ràng là Trung Quốc đang theo đuổi một kế hoạch toàn cầu, trong đó Trung Quốc muốn gia tăng ảnh hưởng địa chính trị trong khu vực Trung Á, Đông Á, và Đông Nam Á.

Biên giới là một phần trong kế hoạch này, nhưng là một phần rất quan trọng.

Tại sao? Vì Biên giới là nơi có trữ lượng dầu khí cực tính lớn thế giới trên toàn thế giới sau Kuwait, là địa điểm chiến lược về quân sự và ảnh hưởng địa chính trị toàn cầu.

Không chỉ Biên giới sẽ khống chế được toàn khu vực Châu Á Thái Bình Dương (CATBD) và làm cho tình hình địa chính trị cũng như làm lệch cán cân quyền lực trong khu vực và toàn thế giới.

Bên cạnh đó, Biên giới cũng là nơi giao tiếp của rất nhiều đường vận chuyển tàu biển tập trung ở bắc nam trên thế giới.

Eo biển Malaca tiếp giáp với Biên giới là nơi mà 80% năng lượng của Nhật Bản được chuyển tải qua đây, và 70% giao thông của Hoa Kỳ, Nam Hàn, và Cộng đồng Châu Âu vào khu vực CATBD cũng qua đây eo biển này.

Đồng thời, Hoa Kỳ, Nam Hàn và Nhật Bản sẽ phải phân ứng lợi thế địa Trung Quốc ở Biên giới để bảo vệ quyền lợi về kinh tế và ảnh hưởng địa chính trị của họ.

Về quân sự, Biên giới rất quan trọng đối với Nam Hàn, Nhật Bản và nhất là Đài Loan vì ba nước này là đồng minh của Hoa Kỳ và họ cần sự hỗ trợ về quân sự của Hoa Kỳ để giữ yên bề cõi trước họa xâm lăng từ Trung Quốc.

Ngoài ra, Biên giới cũng không kém phần quan trọng cho cộng đồng ASEAN vì vùng biển này là “ao nhà” của họ.

Các nước ASEAN đều phải đối phó với áp lực của cộng đồng người Hoa và sự gợn bóng về các nguồn của họ nên chính quyền các nước ASEAN lợi càng e ngại thái độ của Trung Quốc hơn.

Bối cảnh này cho thấy vấn đề Biên giới, và bản chất, là một vấn đề không chỉ riêng Việt Nam hay chỉ riêng các nước trong vùng mà là một vấn đề quốc tế liên quan đến nhiều công quốc trên thế giới. Đây là điều đáng mừng cho Việt Nam vì

“ngao cò tranh nhau ngỗng”
không khéo léo tình thế sẽ trở thành

“trâu bò húc nhau ruồi muỗi chết.”

Sự khéo léo này là chiến lược sống còn của Việt Nam.

Phân tích cuộc tranh chấp Biên giới dựa trên lý thuyết quan hệ quốc tế để giải thích thái độ và hành động của các quốc gia thì tính chất quốc tế của vấn đề càng hiển rõ hơn. Lý thuyết dựa trên quy tắc giải thích bằng Chủ nghĩa Thực tiễn (Realism), chủ nghĩa Chủ nghĩa Chính trị (Institutionalism) và Chủ nghĩa Tự do (Liberalism). Lý thuyết dựa trên Tập quán (Norm-based theories of state behavior) giải thích bằng Chủ nghĩa Cấu trúc (Constructivism), Lý thuyết Công bằng và Chính Danh (Theories of Fairness and legitimacy), Lý thuyết Quy Trình pháp lý (Legal process theories).

Khi nói đến quy tắc, chúng ta không thể bỏ qua Lý thuyết Cuộc chơi (game theory) hoặc thường được áp dụng qua khái niệm “Vấn nạn của phạm nhân” (Prisoner’s dilemma). Nói nôm na, khái niệm này cũng đang nhắc lại câu ngạn ngữ Việt chúng ta thường nói “đoàn kết thì sống, chia rẽ thì chết”.

Khi cảnh sát tách hai phạm nhân ra để hỏi cung riêng và nói rằng nếu người này khai ra hành động của người kia, thì người này sẽ được tha bổng, bổng không thì sẽ bị phạt nặng hơn.

Thông thường mỗi phạm nhân sẽ có khuynh hướng khai ra hành động của kẻ đồng

phạm, và người bên kia cũng làm như vậy.

Kết quả là cả hai đều bị phạt vì mỗi người đều bị người kia khai báo.

Nhưng nếu họ tin tưởng nhau, và cả hai đều không khai ra thì cảnh sát không có bằng chứng để phạt ai cả.

Vấn đề là cả hai phạm nhân đều ngại người kia sẽ không giữ lời và nếu họ không khai ra người kia mà bị người kia khai thì hình phạt sẽ nặng hơn.

Vì vậy họ chọn con đường khai báo.

Áp dụng ví dụ này vào Công Pháp Quốc Tế, sau đây là ví dụ về hai quốc gia cùng ký kết hiệp định không xây dựng lò nguyên tử.

Trường hợp 1, việc xây dựng lò nguyên tử rất dễ dàng và ít tốn kém.

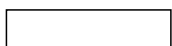
Nếu cả hai tuân thủ thì được lợi 5, nhưng nếu một quốc gia tuân thủ trong khi quốc gia bên kia vi phạm thì quốc gia tuân thủ chỉ được 2 và bên vi phạm được 6, và nếu cả hai vi phạm thì cả hai được 3.

Trong trường hợp 2, khi việc xây dựng lò nguyên tử rất khó khăn và tốn kém nhiều, nếu cả hai tuân thủ thì được lợi 10, nhưng nếu một quốc gia tuân thủ trong khi quốc gia bên kia vi phạm thì quốc gia tuân thủ chỉ được 6 và bên vi phạm được 8, và nếu cả hai vi phạm thì cả hai được 4.

Trong cả hai trường hợp trong ví dụ này Vấn đề phạm nhân vẫn dùng để lý giải, nhưng sự khác biệt là “khuyến khích tuân thủ” trong trường hợp 2 rõ ràng hơn vì vi phạm (xây lò nguyên tử) thì lợi nhiều hơn lợi.

gia 2

Quốc



Quốc gia 1

Tuân thủ

Vi phạm

Tuân thủ

5,5

2,6

Vi phạm

6,2

3,3

Trình hợp 1 : Xây dựng lò nguyên tử rít d àg và

ít t_n kém

Quốc gia 2

Quốc gia 1

Tuân thủ

Vi phạm

Tuân thủ

10,1

6,8

Vi phạm

8,6

4,4

Trình bày 2: Xây dựng lò nguyên tử rớt

khó khăn và tốn kém nhiều

Áp dụng khái niệm này vào vấn đề Biên giới, chúng ta thấy rõ Quan Hệ Quốc Tế rớt quan trọng. Mọi cố gắng để minh chứng ta phải có được uy tín. Công quốc chế liên minh với chúng ta khi đôi bên cùng có lợi và đôi bên tin tưởng lẫn nhau.

Và khi ký kết hiệp định, chúng ta phải nghĩ đến những hoàn cảnh và điều kiện để hiệp định này có “khuyến khích tuân thủ” ngay trong bản chất.

Đương nhiên, đây không phải là việc dễ dàng, và việc này càng trở nên khó khăn khi quyên lợi và

tự hào dân tộc bị tổn thương, hoặc thù địch dân tộc lên đến cực độ.

Theo Chế độ nhà Thực tiễn, mọi quốc gia là một thực thể đơn lẻ và thế giới là một

hệ thống hợp lý, không luật lệ hoặc thủ tục. Vì vậy, mọi quốc gia phải tự bỏo và chính mình trước những đe dọa thôn tính xung quanh.

Đây là một hệ thống “mạnh được yếu thua” và đưa chính trị được khăng định bằng quy luật.

Khái niệm “cân bằng quyền lực” cần phải được nhìn mạnh vì đây là chủ bảm víu của các nước yếu khi phải đối phó với sự đe dọa của nước lớn. “Cân bằng quyền lực” cũng quan trọng đối với các nước mạnh khi họ muốn bảo toàn thế lực khi đối mặt với những thế lực xung quanh, hoặc khi quốc gia này muốn giành thế mạnh để vươn lên qua một thế lực hiện tại. Theo chủ nghĩa thực tiễn, vai trò của Công pháp quốc tế (CPQT) dường như không hiện hữu mà chỉ có Cân bằng quyền lực mà thôi. Theo lập luận này thì Trung Quốc đang muốn vươn lên thành một siêu cường mới và Hoa Kỳ thì muốn bảo vệ quyền lực hiện có của mình.

Vì vậy Hoa Kỳ sẽ phải hành động của Trung Quốc.

Hiện đây, tàu thám dò Impeccable của Hoa Kỳ chằm trán với tàu chiến của Trung Quốc là dấu hiệu cho thấy sự căng thẳng tiềm ẩn trong quan hệ Mỹ - Trung.

Tàu thám dò của Hoa Kỳ đã chằm trán hải quân Trung Quốc trong quá khứ, và gần nhất là năm 2008, những tội sao Hoa Kỳ không lên tiếng.

Rõ ràng, sự thay đổi nhân sự trong Nhà Trắng cũng dẫn đến sự thay đổi về phương hướng hành động của quốc gia này.

Sự lên tiếng lớn này cho thấy Hoa Kỳ và Trung Quốc đang tranh giành ảnh hưởng ở Biên giới.

Sau thế chiến thế II, chủ nghĩa thực tiễn bẻ phải mở ra đối của Chủ nghĩa nhân văn vì chủ nghĩa này cho rằng CPQT cũng đóng vai trò khá quan trọng trên trường thế giới. Dù CPQT không thay đổi thái độ và hành động của các quốc gia, nhưng nó tạo ra môi trường cho các quốc gia trao đổi và thông lượng.

Cũng như chủ nghĩa thực tiễn, chủ nghĩa định chế cho rằng các quốc gia đều phải đồng ý với nhau về địa và thế lực xung quanh, những điểm khác biệt là các quốc gia hành động dựa theo cách họ phán đoán về cách phản ứng và hành động của các quốc gia trong cuộc.

Vì vậy CPQT là một công cụ rất hữu ích cho các quốc gia để tìm hiểu các quốc gia

khác và đi đến quy định chính xác hơn.

Theo lập luận này, TQ sẽ phải thêm dò phần ứng của các công quốc có quy định lợi ích kinh tế lớn quân sự ở Biên giới trước khi hành động.

Vì Biên giới liên quan trực tiếp đến quy định lợi ích kinh tế, quân sự lớn chính trị của Hoa Kỳ, Nhật Bản, Nam Hàn và cộng đồng Châu Á, sẽ phần ứng của các nước này sẽ không dễ dàng cho Trung Quốc.

Hành động của Bắc Kinh còn tùy thuộc vào công luận trong và ngoài nước, dựa theo chủ nghĩa tự do. Dù cho Trung Quốc không phải là một nước dân chủ để người dân có thể lên tiếng một cách tự do, nhưng đất nước này cũng không thể làm ngơ công luận. Bằng chứng là nhà cầm quyền Trung Quốc đã tìm mọi cách để phát triển kinh tế nhằm xoa dịu công luận về những bất đồng trong xã hội. Trước khi hành động đàn áp Tây Tạng, Bắc Kinh cũng tuyên truyền trên truyền hình và báo chí để được sự ủng hộ của công luận.

Những hành động này rõ ràng tuân theo sự phán đoán của chủ nghĩa tự do.

Nhưng không chỉ có công luận trong nước là quan trọng, công luận thế giới càng quan trọng hơn vì nó gắn liền với uy tín và tiếng tăm của mỗi quốc gia.

Nhất là trong khuôn khổ kinh tế toàn cầu như hiện nay, uy tín không chỉ là uy tín mà lợi nhuận kinh tế.

Một quốc gia thiêu uy tín hoặc mang tiếng hung hăng sẽ mất đi sự tin tưởng cần thiết trong việc hợp tác kinh tế và mất đi những sự giúp đỡ của thế giới trong trường hợp bất ngờ như thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, hay suy sụp kinh tế.

Đây là ý nghĩa chính của khái niệm “trị giá bằng uy tín” (reputational cost) đi kèm mà các quốc gia phải cân nhắc trước khi hành động.

Chính nhiên, Trung Quốc không thể làm ngơ cái giá phải trả một khi Trung Quốc, vì tranh chấp Biên giới, phải mất đi nhiều mối quan hệ quốc tế, cũng như “mặt làm ăn” và “tình bạn khi họ không nhìn” này.

Khác với chủ nghĩa thực tiễn, khi cho rằng thế giới này là vô luật lệ và mỗi quốc gia là một chiến sĩ đến phòng, chủ nghĩa tự do cho rằng CPQT được vun bồi bởi lợi ích quan hệ giữa các quốc gia, và thế giới này là một hệ thống tương quan và tùy

thuộc lẫn nhau.

Nếu Trung Quốc không quan tâm đến “giá trị của uy tín” thì chính Trung Quốc tự cô lập mình và làm nhụt đi cán cân quyền lực và ảnh hưởng của mình trên trường thế giới.

Trong khi lý thuyết dựa trên Quy tắc Lợi coi như vai trò của CPQT, lý thuyết dựa trên Tập quán cho rằng CPQT không những quan trọng mà còn có khả năng thay đổi các diễn thế giới. Chế độ nhà Cấu trúc (Constructivism) nhận mạnh quan hệ quốc tế (QHQT) trong vai trò của CPQT. Chế độ nhà này cho rằng QHQT tạo ra rất nhiều sự ràng buộc cho các quốc gia từ nhiều hướng và nhiều lý do khác nhau, và đây là điều ảnh hưởng rất lớn đến sự phân tích tình hình và phương hướng hành động của họ.

Các quốc gia sẽ không biết phải làm gì khi đang trước “ma trận” với nhiều bất trắc khó lường này, vì vậy cách tốt nhất là họ đi theo bước chân người đi trước, và “bắt chước” cách giới quyết của người đi trước trong trường hợp tương tự.

Làm khi, các quốc gia không nghĩ ra điều họ cần cho đến khi được công đồng thế giới nhắc nhở.

Ví dụ như trường hợp các lãnh tụ châu Âu, sau thế chiến thế I, không quan tâm đến thế giới binh cho đến khi Henri Dunant và Hội đồng Chữ thập đỏ thế giới nêu lên tầm quan trọng của vấn đề.

Tóm lại, Chế độ nhà Cấu trúc tin rằng khi các quốc gia “đi chơi với nhau,” họ học hỏi lẫn nhau, hay nói một cách khác, QHQT “dạy” các quốc gia cách giao tiếp và “ảnh hưởng” cách hành xử và quyết định hành động.

Lập luận này giúp chúng ta hiểu rằng sự mạnh mẽ và hùng dũng không phải là cách duy nhất để giới quyết vấn đề và chúng ta có thể hy vọng có được một giới pháp hòa bình trong vấn đề Biên giới.

Tình hữu nghị giữa Việt Nam, Trung Quốc và các nước láng giềng sẽ là một phần lớn của chìa khóa thành công.

Với lập luận thông thường, Lý thuyết Công bằng và Chính Danh (Theories of fairness and legitimacy) tin rằng công bằng và chính danh là nhân tố chính của luật pháp. Trong CPQT, sự công bằng được bảo đảm bằng sự đồng thuận của các bên tham gia và sự phân chia và quy định lợi và quá trình phân chia dựa trên lợi ích. “Quá trình đúng” và “phân chia công bằng” đi đôi với nhau nhưng đòi hỏi cân bằng thì hoàn toàn trái ngược.

Điều kiện cần sự yên ổn không thay đổi, nhưng điều kiện sau thì phải được bảo đảm bởi sự thay đổi.

Vì vậy, quá trình công bằng chủ toàn của hai yếu tố này là một sự đồng cơ, hoàn chỉnh và tái hoàn chỉnh của luật pháp quốc tế, và chính quá trình này làm cho luật pháp quốc tế mang tính mềm dẻo, cấp nhật và thuyết phục khi cần cho các quốc gia tự nguyện tuân thủ.

Hay nói khác đi, theo lợi suy nghĩ của Lý thuyết dựa trên Quy Trình pháp lý (Legal process theories), luật pháp quốc tế ngầm chứa “khuyến khích tuân thủ” tự nguyện (propensity to comply).

Chỉ với lý thuyết này, CPQT dựa trên quy định lợi, hiệu quả và tập quán.

Từ góc độ hiệu quả, các quốc gia sẽ rút ngắn vi phạm luật quốc tế.

Vì luật quốc tế là kết quả của một quá trình đàm phán và phân chia, và đi đến đàm phán, mỗi quốc gia phải bỏ ra bao nhiêu công sức để nghiên cứu vấn đề.

Quá trình này tốn kém thì gì, công sức và tiền bạc. Nếu họ không muốn tuân thủ, họ lợi phải tính toán lợi, tìm hiệu lợi, và tốn kém lợi một lần nữa xem việc không tuân thủ có lợi hay lợi trước khi quyết định hành động.

Không có lý do gì các quốc gia tốn hao công sức để rút ngắn không đồng.

Với phương diện quy định lợi và tập quán, các quốc gia cũng có lợi hơn khi tuân thủ những luật lệ đã ký kết vì trong quá trình tìm hiệu và tính toán, các bên tham gia nhận ra rằng ký kết hiệp định sẽ có lợi hơn là không còn lựa chọn nào khác.

Quá trình đi đến một hiệp định dù mang tính ràng buộc hay không, thì nó đã tạo ra sự ràng buộc “tự nhiên” do sự hiệu bất biến chặt chẽ của vấn đề.

Tóm lại, Lý thuyết dựa trên Quy định lợi đưa lên một cách nhìn rộng rãi về CPQT

những cho ta hy vọng về QHQT. Ngược lại, Lý thuyết dựa trên Tập quán lại vì nên mất vị trí cạnh tranh hy vọng về tiềm năng của CPQT những không hề chối từ tầm quan trọng của QHQT. Tuy đó chúng ta có thể rút ra một giải pháp cho Việt Nam: đó là sự áp dụng khéo léo và phối hợp tài tình giữa CPQT và QHQT.

Cũng xin nêu lên đây những Công quan Công quyền quốc tế mà chúng ta có thể nhắc đến. Đó là Liên Hiệp Quốc (The United Nations), Liên Hiệp các Quốc gia Đông Nam Á (The ASEAN) và các công cụ Công Pháp quốc tế (International Law Instruments) như Tòa án Công lý Quốc tế (International Court of Justice (ICJ)), Công ước về Luật Biển (Law of the Sea, (UNCLOS 1982), và Công ước về Hiệp định (The Hague Convention of Treaties).

Giải pháp

1. Giải pháp lại và đóng khung lại vấn đề.

Chúng ta thường nêu lên khẩu hiệu “Hoàng Sa và Trường Sa là của chúng ta.” Khẩu hiệu này ngầm ý Hoàng Sa và Trường Sa là một vấn đề và Biển Đông không là vấn đề.

Nhưng đã đến lúc chúng ta cần hiểu rằng Hoàng Sa và Trường Sa là hai vấn đề

hoàn toàn khác nhau, và Biên giới không những là vấn đề mà còn là một rớt quan trọng. Vì vậy, chúng ta phải định nghĩa lại và đóng khung lại vấn đề. Tất cả vấn đề Hoàng Sa và Trường Sa trở thành ba vấn đề: (1) Biên giới, (2) Hoàng Sa và (3) Trường Sa vì Biên giới là vấn đề quốc tế và Trung Quốc, Hoàng Sa là giữa Việt Nam và Trung Quốc, và Trường Sa là giữa Trung Quốc và năm nước trong khu vực (Việt Nam, Mã Lai, Brunei, Phi Luật Tân và Đài Loan).

2. Phải hợp nhiều sách lược khác nhau

Chúng ta có được QHQT tốt, chúng ta phải có đoàn kết nội bộ tốt, cùng vào sự hợp tác của các quan công quyền quốc tế, dựa trên cơ sở công pháp quốc tế sẽ dần dần hy vọng của Việt Nam

3. Giữ gìn hòa bình, quan hệ tốt đẹp giữa Trung Quốc và Việt Nam

Chúng ta cần phát triển trao đổi văn hóa và hợp tác nghiên cứu khoa học giữa Việt Nam và Trung Quốc. Tất cả ngàn năm nay, văn hóa Việt Nam bị ảnh hưởng rất nhiều từ văn hóa Trung Quốc, nhưng chiều ảnh hưởng ngược lại thì dường như không có.

Điều này rất bất lợi cho Việt Nam vì theo lập luận của chủ nghĩa tự do, công luận trong và ngoài nước có ảnh hưởng rất lớn đến quyết định và hành động của các quốc gia.

Khi hai dân tộc không hiểu nhau, sự thù nghịch càng trở nên gay gắt.

Và sự lộn áp về quân sự của Bắc Kinh càng được công luận ủng hộ. Bất cứ một hành động quân sự nào, thắng hay bại, cũng đều tạo ra một mất mát về con người và của cải, nên người dân thường không ủng hộ chiến tranh. Nhưng nếu sự thù nghịch dân tộc lên đến đỉnh điểm, người ta sẽ không ngại một mất mát và ủng hộ đến cùng. Vì vậy chúng ta phải cố gắng tạo ra sự thông cảm và văn hóa để tạo một công luận thân thiện với Việt Nam và giảm thiểu sự thù nghịch giữa Hán tộc và Việt tộc.

Việt trao đổi văn hóa theo chiều Việt Nam sang Trung Quốc khó xảy ra trong quá khứ vì Việt Nam là nước tiều. Nhưng ngày nay, khoa học hiện đại không phân biệt nước lớn hay nhỏ mà là sự học của mọi học giả tham gia hội thảo.

Tinh thần nghiên cứu khoa học không còn phụ thuộc vào dân tộc mà tính trung thực và chất lượng nghiên cứu.

Dù cho chính quyền Trung Quốc không trung thực, vẫn có nhiều khoa học gia Trung Quốc tôn trọng sự trung thực, và đây chính là điều tốt đẹp chúng ta cần tìm và cùng tham khảo khoa học một cách chân thành.

Tinh thần khoa học sẽ là chìa khóa cho học giả Việt Nam và Trung Quốc cùng nhau trao đổi, học hỏi, và kết tình thân hữu.

Đây là một xúc tác cho một mối quan hệ tốt đẹp và lành mạnh giữa hai dân tộc Việt và Hán.

4. Giữ gìn hòa bình và quan hệ tốt đẹp với quốc tế

Chúng ta phải Gìn giữ hòa bình và quan hệ tốt đẹp với bên nước tranh chấp để không đến thân địch mà đi đến với Trung Quốc. Khi chúng ta nói “Trung Sa là của Việt Nam,” lập tức chúng ta tự cô lập mình và đẩy Mã Lai, Phi Luật Tân, Brunei, và Đài Loan về phía Trung Quốc vì chức chèn bên nước này không đồng ý tốt cả Trung Sa là của Việt Nam.

Ông tự nhận vậy, ASEAN cũng sẽ không ông hệ Việt Nam, nếu chúng ta cứ khư khư dành tốt cả Trung Sa về phần mình.

Khi ASEAN rút quan ngại việc Biên giới lọt vào tay Trung Quốc vì đây là “ao nhà” và “bên bờ” của họ để đi lại và buôn bán.

Thì nên chúng ta phải dựa vào sự quan ngại này để sát cánh cùng ASEAN mà đi đến Trung Quốc.

Thêm vào đó Biên giới cũng là nơi mà quyên lợi của Hoa Kỳ, Nhật Bản và Nam Hàn bị ảnh hưởng trực tiếp, do đó chúng ta phải có quan hệ tốt đẹp với những cường quốc này.

Khi họ phần ông hành động của Trung Quốc để báo về cho quyên lợi của họ, chúng ta cũng được phần lợi trong đó.

Cuối cùng, sự gần bó không thể thiếu giữa Campuchia, Lào & Việt Nam cần phải luôn luôn giữ gìn.

Trung Quốc luôn tranh giành ảnh hưởng với hai nước này nên chúng ta không thể sao lãng.

Campuchia và Lào là “hàng xóm mà cũng như vốn nhà”, nếu không xanh tươi thì nhà của chúng ta sẽ không thoáng mát.

Trung Quốc mà không chế hai nước này hoặc Biên giới thì chúng ta không thể nào giữ yên bề cõi được nữa.

Mở rộng quan hệ với Campuchia và Lào để phát triển về kinh tế vì đây là thế trường cho Việt Nam.

Bên cạnh đó, hai quốc gia này có nền văn hóa rất lâu đời và phong phú, nên sẽ giao thoa văn hóa với họ sẽ giúp làm giảm ảnh hưởng nặng nề từ sự xâm nhập của văn hóa Trung Quốc vào Việt Nam.

Nhìn vào vấn đề Biên giới và sự cạnh tranh của Trung Quốc, tôi tự hỏi: chân lý có thật nằm trong tay kẻ mạnh hay không? Sau kết luận, tôi xin nhắc đến câu đống giao của ông bà ta truyền lại “Nước cội châu chấu đá xe, tiếng rặng chấu ngã ai ngã xe nghiêng” và người Hán cũng có câu “Mãnh hổ nan địch quần hồ”.

Và xin nhắc rặng sự cạnh tranh công phá dữ dội nhất của vũ khí hạt nhân nằm trong phần tử bé nhỏ nhất, đó là hạt nguyên tử.

Việt Nam sẽ đưa được sự cạnh tranh của “quần hồ” và sẽ tìm được sự cạnh tranh “nguyên tử” này.

Vấn đề là Việt Nam có QUYẾT ĐỊNH hay không?

Ailien T. Tran, Fulbright Fellow 2009, Master in Public Policy, Bachelor of Art in Political Science, Bachelor of Science in Business Administration, University of California, Berkeley

Tài liệu tham khảo

Barbara Koremores et al., “The Rational Design of International Institutions”, p. 55 in *International Organization* 761, 768 (2001)

Finnemore, Martha, “National Interests in International Society,” Cornell University Press, (1996)

Frank, Thomas M., “Fairness in International Law and Institutions.” in Hathaway, Oona A. & Koh, Harold Hongju, *Foundations of International Law and Politics*,

Foundation Press, New York, New York, 2005, p. 152 – 154.

Guzman, Andrew, “A Compliance Based Theory of International Law,” *90 California Law Review* 1823 (2002) in

Morgenthau, H. J., “Politics Among Nations,” in Hathaway, Oona A. & Koh, Harold Hongju,

Foundations of International Law and Politics,

Foundation Press, New York, New York, 2005, p. 59 – 61, 62, 72, 74.

Hathaway, Oona A. & Koh, Harold Hongju, *Foundations of International Law and Politics,*

Foundation Press, New York, New York, 2005

Kazenstein, Peter J., Keohane, Robert O., and Krasner, Stephen D. “International Organization and the Study of World Politics.” in Hathaway, Oona A. & Koh, Harold Hongju, *Foundations of International Law and Politics,*

Foundation Press, New York, New York, 2005, p. 4-6.

Moravcsik, Andrew, “Taking Preferences Seriously: A Liberal Theory of International Politics”, *51 International Organization* 513 (1997), p. 80-81, 82..

Morgenthau, H. J., “Politics Among Nations,” in Hathaway, Oona A. & Koh, Harold Hongju, *Foundations of International Law and Politics,* Foundation Press, New York, New York, 2005, p. 32 – 36, 39.

Robert O. Keohane & Joseph S. Nye, *Power and Interdependence* 19 (1977)

Robert, Keohane O. Jr., “Institutional Theory and the Realist Challenge After the Cold War,” *Neorealism & Neoliberalism* 269 (David A. Baldwin ed., 1983) in Morgenthau, H. J., “Politics Among Nations,” in Hathaway, Oona A. & Koh, Harold Hongju, *Foundations of International Law and Politics,*

Foundation Press, New York, New York, 2005, p. 55.

Slaughter, Anne-Marie, "A Liberal Theory of International Law," 94 *American Society of International Law Proceeding* 240 (2000)

Stephen D. Krasner, "Structural Causes and Regime Consequences: Regime as Intervening Variables", in *International Regimes 1 & 2* (Stephen D. Krasner ed., 1983)

Waltz, Kenneth, "Theory of International Politics", in Hathaway, Oona A. & Koh, Harold Hongju, *Foundations of International Law and Politics*, Foundation Press, New York, New York, 2005, p. 43.